R

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2000 - 2001

HỆ THỐNG MỤC TIÊU QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

Cơ quan chủ trì: Khoa Quản lý kinh tế

Chủ nhiệm đề tài: TS Phan Trung Chính

Thư ký đề tài: ThS Đinh Xuân Hà

HÀ NỘI - 2002

4780 KY
3/3/04

TẬP THỂ TÁC GIẢ

GS. TS. Hồ Văn Vĩnh

PGS. TS. Ngô Quang Minh

TS. Kim Văn Chính

TS. Phan Trung Chính

TS. Đường Vinh Sường

TS. Trần Minh Châu

TS. Nguyễn Quốc Thái

ThS. Đinh Xuân Hà

Th.S. Trịnh ái Hoa

Hồ Hương Mai

Bùi Văn Huyền

Ngô Thanh Hải

Bùi Việt Cường

Nguyễn Ngọc Toàn

Ngô Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thiết Thành

Nguyễn Đẩu

Phạm Quang Đạt

MỤC LỤC

PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN XÁC ĐỊNH HỆ THỐNG MỤC TIÊU QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ

1	Cơ sở phương pháp luận trong xác định hệ thống mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô	**TS. Phan Trung Chính**	1
2	Tăng trưởng kinh tế nhìn từ góc độ các nguồn lực	**Bùi Việt Cường**	7
3	Lạm phát và mối quan hệ của nó với tăng trưởng kinh tế	**Đinh Xuân Hà**	22
4	Cân bằng cán cân thương mại	**Ngô Thanh Hải**	36
5	Chính sách tỷ giá trong chiến lược tăng trưởng hướng tới xuất khẩu	**Nguyễn Ngọc Toàn**	53
6	Giải quyết việc làm, hạn chế thất nghiệp: Một mục tiêu quan trọng của kinh tế vĩ mô hiện nay	**Ngô Thị Ngọc Anh**	71
7	Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	**Ths. Trịnh Ái Hoa**	81
8	Hiệu quả và công bằng trong nền kinh tế thị trường	**TS. Trần Minh Châu**	100

PHẦN 2: QUAN ĐIỂM XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

9	Xác định mục tiêu và quan điểm trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI	**PGS. TS. Ngô Quang Minh**	106
10	Quan điểm xác định mục tiêu tăng trưởng và phát triển của Việt Nam thời kỳ 2001 – 2010	**TS. Kim Văn Chính**	113
11	Cán cân thanh toán của nước ta trong thời kỳ đổi mới: Thực trạng và giải pháp	**GS. TS. Hồ Văn Vĩnh**	123
12	Mục tiêu kiềm chế lạm phát ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	**Nguyễn Thiết Thành**	135
13	Điều tiết vĩ mô nền kinh tế bằng công cụ ngân sách nhà nước giai đoạn 1991-2000 và định hướng giai đoạn 2001 – 2010	**Bùi Văn Huyền**	154
14	Đầu tư công cộng của nhà nước giai đoạn 1990 – 2000 và một số đề xuất về cơ chế, chính sách trong thời gian tới	**TS. Đường Vinh Sường**	170
15	Một số vấn đề về thực hiện mục tiêu tạo việc làm ở Việt Nam giai đoạn 1991 – 2000	**TS. Nguyễn Quốc Thái**	178
16	Phát triển thị trường lao động nhằm góp phần thực hiện mục tiêu toàn dụng lao động ở nước ta hiện nay	**Hồ Hương Mai**	199
17	Thực trạng việc làm ở Vĩnh Phúc và những vấn đề cần giải quyết	**Phạm Quang Đạt**	219
18	Tăng trưởng kinh tế thành phố Đà Nẵng những năm đổi mới	**Ths. Nguyễn Đẩu**	230
19	Kinh nghiệm tạo việc làm của một số nước châu Á	**TS. Nguyễn Quốc Thái**	249

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chuyển sang kinh tế thị trường là quá trình đổi mới một cách cơ bản nội dung và phương thức quản lý của nhà nước để vận hành nền kinh tế, trong đó có đổi mới quản lý kinh tế vĩ mô. Đặc biệt là cách tiếp cận về hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô và Nhà nước sử dụng hệ thống công cụ chính sách kinh tế để thực hiện các mục tiêu đó. Quan điểm này được đề cập trong các Nghị quyết Đại hội VII; Đại hội VIII và đặc biệt nhấn mạnh ở NQTƯ 4- khóa VIII. Những sai sót trong việc xác định mục tiêu và lựa chọn chính sách công cụ điều tiết để quản lý kinh tế vĩ mô không chỉ tác động về mặt kinh tế mà còn cả mặt chính trị, xã hội.

Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế vĩ mô trong điều kiện cơ chế thị trường đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nước ta là vấn đề còn quá mới mẻ cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy mà NQTƯ 4 - khóa VIII đã lưu ý về sự nhận thức chưa đầy đủ và tô thức vận hành điều tiết vĩ mô của Nhà nước còn nhiều lúng túng bất cập, thiếu nhất quán và không đồng bộ trong việc lựa chọn mục tiêu và tác động đạt mục tiêu. Nguyên nhân là do vấn đề quá phức tạp, các mục tiêu đều cần thiết nhưng chúng vừa thống nhất trong hệ thống mục tiêu, lại vừa mâu thuẫn với nhau; ngoài ra còn có lý do bắt nguồn từ chỗ có nhiều cơ quan hoạch định mục tiêu, nhận thức lý luận cũng còn có những quan điểm khác nhau về sự lựa chọn mục tiêu ưu tiên, và tổng thể hệ mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô.

Trong những năm gần đây việc phổ cập kiến thức quản lý kinh tế vĩ mô đã được Đảng ta đặc biệt quan tâm cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý trong hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến cấp cơ sở nhằm thống nhất về mặt nhận thức và tăng cường năng lực quản lý kinh tế vĩ mô cho những cán bộ quản lý trực tiếp. Tình hình đó đòi hỏi cả từ góc độ lý luận và tổ chức quản lý trong thực tiễn cần phải có những nghiên cứu cơ bản góp phần

làm sáng tỏ về mặt lý luận và thiết thực cho quản lý kinh tế vĩ mô ở nước ta hiện nay. Trong phạm vi đề tài khoa học cấp Bộ, chúng tôi lựa chọn đi sâu nghiên cứu về hệ thống mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô, đặt trong tổng thể của hệ thống kinh tế vĩ mô.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hệ thống mục tiêu là trung tâm của kinh tế học vĩ mô. Cho đến nay vẫn còn đang tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau; những quan điểm khác nhau; có cách xác định mục tiêu tổng quát; có cách xác định mục tiêu cụ thể. Tính thống nhất và mâu thuẫn trong các mục tiêu có thể chỉ đúng với nền kinh tế thị trường phát triển mà chưa hoàn toàn đúng với các nước có nền kinh tế thị trường kém phát triển; quan điểm khác nhau về lựa chọn mục tiêu ưu tiên...

Ở Việt Nam, từ khi đổi mới đến nay, việc nghiên cứu được đề cập nhiều nhất là hệ thống các chính sách, công cụ quản lý vĩ mô, chẳng hạn như: "*Nhà nước và công cụ kinh tế vĩ mô*" do PGS.PTS Nguyễn Đình Hương (chủ biên), "*Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đảm bảo tăng trưởng bền vững*" do GS.PTS Vũ Đình Bách (chủ biên)... còn hệ thống mục tiêu và lựa chọn mục tiêu trong nghiên cứu còn tản mạn, rời rạc; những bài đăng trên tạp chí thường tiếp cận một mục tiêu hoặc cặp mục tiêu, chẳng hạn như: Quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát ở Việt Nam; Tăng trưởng và việc làm; Thất nghiệp và lạm phát; Tăng trưởng và tỷ giá... điển hình là các tác giả GS.TS Tào Hữu Phùng, GS Võ Đình Hảo, TS Lê Đăng Doanh, TS Nguyễn Công Nghiệp... Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể hệ thống mục tiêu, mối quan hệ giữa các mục tiêu, lựa chọn mục tiêu ưu tiên và đặt hệ mục tiêu quan hệ với hệ thống chính sách và công cụ quản lý kinh tế ở Việt Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Đề tài có hai mục tiêu chính:

+ Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận thực tiễn của việc xác định và thực trạng hệ thống mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô ở Việt Nam.

+ Đề xuất quan điểm và giải pháp về việc xác lập hệ thống mục tiêu và lựa chọn mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài các phương pháp truyền thống như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phân tích, tổng hợp đề tài còn sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp khảo sát, điều tra ý kiến chuyên gia về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

- Phương pháp kinh tế lượng, phương pháp so sánh để đánh giá quá trình đổi mới, quá trình lựa chọn mục tiêu và kết quả của các mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô.

Ban chủ nhiệm đề tài xin chân thành cảm ơn sự cộng tác nghiên cứu của các cán bộ giảng dạy - nghiên cứu trong và ngoài Học viện CTQG Hồ Chí Minh. Do tính chất mới mẻ và phức tạp của đề tài, công trình nghiên cứu chắc chắn còn nhiều điểm gây tranh luận hoặc khiếm khuyết.

Chúng tôi rất mong sự góp ý của các nhà khoa học, các tổ chức, cơ quan đào tạo, cơ quan quản lý và hoạch định chính sách để có thể hoàn thiện công trình, đóng góp một phần vào quá trình đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay.

CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRONG XÁC ĐỊNH HỆ THỐNG MỤC TIÊU QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ

TS. Phan Trung Chính

Lý luận về kinh tế học cho rằng, ở mọi thời đại, mọi quốc gia, đều phải giải quyết một mâu thuẫn cơ bản trong kinh tế đó là: nhu cầu con người và xã hội luôn là vô hạn, nhưng nguồn lực lại luôn là có hạn. Chính vì vậy, kinh tế học ra đời với tư cách là môn khoa học nghiên cứu xem xã hội sử dụng như thế nào nguồn tài nguyên khan hiếm để sản xuất ra những hàng hoá cần thiết và phân phối cho các thành viên trong xã hội.

Kinh tế học được chia thành hai phân ngành lớn là: Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

Kinh tế vi mô nghiên cứu những vấn đề kinh tế mang tính cụ thể và là cơ sở cho quản lý kinh tế vi mô.

Kinh tế vĩ mô nghiên cứu những vấn đề kinh tế mang tính tổng thể bao quát toàn bộ hoạt động của nền kinh tế quoốc dân và là cơ sở cho quản lý kinh tế vĩ mô.

Hai phân ngành của kinh tế học có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau, mỗi phân ngành vừa là tiền đề, vừa là điều kiện trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Có nhiều đặc trưng để phân biệt hai phân ngành nhưng xem xét ở góc độ quản lý thì đặc trưng theo cách tiếp cận hệ thống được sử dụng phổ biến. Theo cách này, hình thành hai hệ thống đó là: hệ thống kinh tế vi mô và hệ thống kinh tế vĩ mô. Cũng như mọi hệ thống khác đều bao gồm 3 yếu tố: đầu vào – hộp đen - đầu ra nhưng hai hệ thống khác nhau căn bản về nội hàm của 3 yếu tố đó, sự khác nhau do tính chất cụ thể và tổng thể quy định.

Ở đầu vào của hệ thống kinh tế vi mô là những vấn đề cụ thể như: lao động, vốn, đất đai, nguyên liệu, đầu ra là sản phẩm hàng hoá - dịch vụ. Quản lý kinh tế vi mô tìm cách lựa chọn sự kết hợp tối ưu ở đầu vào để có chi phí sản xuất thấp nhất với tối ưu sản lượng đầu ra để có doanh thu cao nhất nhằm đạt các mục tiêu trong đó mục tiêu số một là tối đa được lợi nhuận.

Còn ở đầu vào của hệ thống kinh tế vĩ mô tiếp cận những vấn đề mang tính tổng thể bao gồm 3 nhóm yếu tố chủ yếu đó là:

- Yếu tố phi kinh tế
- Yếu tố chính sách
- Yếu tố nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực)

Trong đó yếu tố chính sách là quan trọng nhất nhằm hạn chế sự tác động tiêu cực của yếu tố phi kinh tế, khai thác có hiệu quả yếu tố nguồn lực; đầu ra là tổng sản phẩm quốc dân.

Quản lý kinh tế vĩ mô tìm cách lựa chọn chính sách và công cụ và sự phối hợp chúng một cách tối ưu tác động vào hệ thống để tăng tổng sản lượng ở đầu ra nhằm đạt các mục tiêu trong đó mục tiêu số một là tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, do tính chất của hệ thống kinh tế vi mô chỉ trong phạm vi một doanh nghiệp dù đó là doanh nghiệp lớn thì hệ thống mục tiêu cũng đơn giản hơn nhiều so với hệ thống mục tiêu của hệ thống kinh tế vĩ mô với tính chất phức tạp vì nó bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, liên quan tới những

vấn đề tổng thể không chỉ đơn thuần kinh tế mà còn vấn đề xã hội, chính trị; không chỉ trong nước mà còn quan hệ với nước ngoài, không chỉ sản lượng hàng hoá - dịch vụ mà còn quan hệ hàng – tiền .v.v.
Chính vì vậy, việc xác lập hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô, tìm ra mối quan hệ giữa chúng và sự lựa chọn mục tiêu trong ngắn hạn phục vụ cho mục tiêu trong dài hạn, mục tiêu ưu tiên trong từng giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Mục tiêu kinh tế vĩ mô là trạng thái mong đợi mà chủ thể quản lý nền kinh tế đặt ra đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Có nhiều mục tiêu kinh tế vĩ mô phản ánh các trạng thái mong đợi khác nhau đối với hệ thống kinh tế và tập hợp các mục tiêu này tạo thành một hệ thống được gọi là hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô. Hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô có vai trò rất quan trọng trong quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô. Đối với nước ta là một nước đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc sử dụng cách thức, phương pháp trong kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân là một tất yếu, theo đó từng bước hoàn thiện nội dung, cách thức thể hiện và quy trình xây dựng các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô có vai trò trung tâm trong quản lý kinh tế vĩ mô. Đây là một hệ thống các mục tiêu có tính chất định lượng được xây dựng dựa trên phân tích các yếu tố phát triển của hệ thống kinh tế. Hệ thống mục tiêu kinh tế vĩ mô được sử dụng trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 - 20 năm và trong cả các kế hoạch 5 năm, 1 năm.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các mục tiêu kinh tế vĩ mô được xác định một cách tổng thể cho một thời kỳ dài (10 - 20 năm), bao gồm các mục tiêu định tính là chủ yếu như: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và lãnh thổ, xu hướng tăng trưởng chất lượng sống của dân cư, trình độ phát triển khoa học công nghệ và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, mục tiêu kinh tế vĩ mô chiếm vai trò trung tâm. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm sẽ phải cụ thể hoá thành một hệ thống mục tiêu cụ thể. Đến lượt mình, mỗi mục tiêu vĩ mô lại được cụ thể hoá thành các chỉ tiêu cụ thể.

Trong quản lý kinh tế vĩ mô khi xem xét những vấn đề kinh tế mang tính tổng thể của nền kinh tế thường hướng vào thực hiện những nhóm mục tiêu cơ bản sau đây:

<u>Nhóm 1</u>: Mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế được biểu hiện một cách phổ quát theo quan điểm kinh tế học là sự gia tăng sản lượng thực tế cả về số lượng, chất lượng hàng hoá - dịch vụ của một nền kinh tế theo thời gian.

Xét trên góc độ kinh tế, tăng trưởng kinh tế có tính 2 mặt: lợi ích và chi phí.

- Về mặt lợi ích: tăng trưởng kinh tế là cơ sở, là điều kiện để cải thiện và nâng cao đời sống của dân cư, là tiền đề quan trọng bậc nhất để phát triển các mặt khác của đời sống kinh tế – xã hội. Với nước nghèo, lạc hậu, tăng trưởng kinh tế càng quan trọng vì mức thu nhập, mức sống của dân cư rất thấp, nhiều mặt của đời sống kinh tế – xã hội ở trình độ thấp và lạc hậu.

- Về mặt chi phí: tăng trưởng càng nhanh, tài nguyên càng sớm bị cạn kiệt, nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như: phân hoá giàu nghèo, sự phát triển của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội....

Như vậy, tăng trưởng kinh tế không chỉ liên quan tới các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế mà còn liên quan tới các lĩnh vực về mặt xã hội.

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu cơ bản của quản lý kinh tế vĩ mô, là nội dung quan trọng của phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế mới chỉ đề cập tới những thay đổi về lượng của nền kinh tế còn phát triển kinh tế đề cập tới những thay đổi cả về lượng và chất của nền kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các quốc gia, do vậy mục tiêu tăng trưởng kinh tế thường được đưa lên hàng đầu. Để xác định các chỉ tiêu phục vụ cho mục tiêu này, người ta phải dựa vào các mô hình cân đối liên ngành, mô hình đầu vào - đầu ra, các mô hình tăng trưởng để tính toán khả năng tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Các chỉ tiêu cơ bản nhóm này là:

- Tốc độ tăng trưởng GDP hoặc GNP tính bằng phần trăm tăng thêm so với GDP hoặc GNP của năm gốc so sánh. Có thể xác định chỉ số tăng trưởng liên hoàn bình quân hoặc có thể tính theo phương pháp định gốc cho cả một thời kỳ. Ví dụ, trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đã được Đại hội IX thông qua có sử dụng cả hai loại: GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995 (chỉ tiêu tăng trưởng định gốc) và nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2001 - 2005 là 7,5% (chỉ tiêu liên hoàn) [Văn kiện Đại hội IX, tr.264].
- Tăng trưởng của các ngành và khu vực chính của nền kinh tế và chỉ tiêu cơ cấu kinh tế ngành cuối kỳ kế hoạch. Đây chính là chỉ tiêu "thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững và hiệu quả, theo xu hướng tiến bộ". Đối với Việt Nam nói riêng và nhiều nước nói chung, cơ cấu 3 khu vực công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ có ý nghĩa to lớn nên trong hệ thống chỉ tiêu bắt buộc phải có sự phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng cho từng khu vực.
- Tổng đầu tư của toàn bộ nền kinh tế, trong đó có phân nhóm chỉ tiêu tổng đầu tư từ nội bộ, tổng đầu tư phát triển từ NSNN. Đây chính là chỉ tiêu có tính chất điều kiện để đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng GDP. Mối quan hệ giữa chỉ tiêu đầu tư và chỉ tiêu tăng trưởng có thể dựa vào các hàm Harrod-Domar, hàm Cobb-Douglas, hoặc mô hình đầu vào - đầu ra.
- Mức GDP bình quân đầu người vào cuối kỳ kế hoạch.
- Chỉ số giá cả CPI để xác định GDP thực tế; GNP thực tế.
- Ngoài ra, trong kế hoạch 5 năm có thể phân bổ nhỏ hơn thành các chỉ tiêu tăng trưởng cho các mặt hàng chiến lược trọng yếu của nền kinh tế.

<u>Nhóm 2</u>: Mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô

Mục tiêu này liên quan chủ yếu tới các khía cạnh kinh tế. Muốn đạt được sự ổn định kinh tế phải tìm ra những nhân tố gây mất ổn định kinh tế vĩ mô và được xác định thành các mục tiêu cụ thể sau đây:

+ Mục tiêu giải quyết việc làm cho người lao động còn được gọi là mục tiêu toàn dụng nhân lực. Ýnghĩa kinh tế của mục tiêu này ở chỗ: Khi toàn dụng nhân lực không có thất nghiệp thì sản lượng quốc gia đạt mức sản lượng tiềm năng và nếu tỉ lệ thất nghiệp thực tế tăng lên 1% so với tỉ lệ thất nghiệp

tự nhiên thì sản lượng quốc gia giảm tương ứng 2-2,5% (Định luật O Kun). Thất nghiệp cao không chỉ gây mất sự ổn định kinh tế mà còn gây mất ổn định xã hội. Thực hiện mục tiêu này có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết công bằng và ổn định xã hội.

Các chỉ tiêu phục vụ mục tiêu này gồm:

- Số lượng việc làm được giải quyết bình quân năm và cả thời kỳ. Ví dụ, Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đã xác định chỉ tiêu giải quyết việc làm cho 5 năm là 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5tr lao động/năm.
- Tỷ trọng lao động trong các khu vực cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị. Tỷ lệ này tính theo phương pháp thống kê của ILO đã được nhiều nước công nhận.
- Hệ số sử dụng lao động ở khu vực nông thôn

+ Mục tiêu ổn định giá cả, kiểm soát và khống chế được lạm phát:

Ý nghĩa kinh tế của mục tiêu nhằm đảm bảo cho nền kinh tế không bị xáo trộn do lạm phát, ổn định môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh hướng tới mục tiêu ổn định kinh tế, góp phần ổn định kinh tế – xã hội.

Lạm phát được coi là căn bệnh kinh niên của KTTT mà các quốc gia phải đối đầu. Lạm phát cao có tác hại nhiều mặt cả kinh tế và xã hội; cả chính trị lẫn tâm lý, tác động tới tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế – xã hội.

Chỉ tiêu chủ yếu để đánh giá lạm phát là sự gia tăng mức giá chung của nền kinh tế. Lạm phát có tác động cả tích cực và tiêu cực; khống chế kiểm soát tỉ lệ lạm phát dưới 10% có tác động kích thích sản xuất phát triển.

+ Mục tiêu cân bằng ngân sách Nhà nước:

Khi tham gia vào dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô, chính phủ với tư cách là một trong bốn khu vực quan trọng của nền kinh tế, nắm giữ khoản thu, khoản chi có tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Nếu thâm hụt NSNN quá lớn so với GDP sẽ trực tiếp tác động tổng cung, tổng cầu, tới dự trữ quốc gia, ổn định giá cả và tăng trưởng kinh tế. Hay nói cách khác, khi mất cân bằng NSNN tác động trực tiếp tới ổn định kinh tế và tăng trưởng kinh tế. Chỉ tiêu phục vụ mục tiêu này chủ yếu là thu, chi NSNN hàng năm.

+ Mục tiêu cân bằng cán cân thanh toán quốc tế:

Khi nền kinh tế mở cửa có quan hệ kinh tế với nước ngoài hình thành khu vực nước ngoài là 1 trong 4 khu vực trong dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô với sự xuất hiện của luồng hàng hoá, luồng tiền tệ vào và ra, hình thành cán cân thanh toán quốc tế. Cán cân thanh toán mất cân bằng tác động trực tiếp tới tổng cung, tổng cầu hàng – tiền trong nước, tới ổn định kinh tế và tăng trưởng kinh tế.

Chỉ tiêu phục vụ mục tiêu này bao gồm: cán cân thương mại, cán cân vãng lai, các luồng vốn vào, vốn ra, nợ nước ngoài của Nhà nước và khu vực doanh nghiệp.

+ Mục tiêu ổn định tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá hối đoái tác động mạnh mẽ tới luồng ngoại tệ vào hoặc ra, tới xuất và nhập khẩu hàng hoá, tới 2 nhóm mục tiêu của nền kinh tế là mục tiêu cân bằng ngoại (cân bằn cán cân thanh toán quốc tế) và mục tiêu cân bằng nội (sản lượng, việc làm và lạm phát). Chính vì vậy, nó là nhân tố không chỉ